

Số: /QĐ-ATTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm
phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm**

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký gia hạn và thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị; Biên bản đánh giá tại cơ sở và báo cáo hành động khắc phục sau đánh giá của Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị (Địa chỉ: Khu phố 2, phường Đông Thanh, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị) thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **043/2023/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm thuộc Sở Y tế tỉnh Quảng Trị có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BT. Đào Hồng Lan (để b/c);
- TT. Đỗ Xuân Tuyên (để b/c);
- CT. Nguyễn Thanh Phong (để b/c);
- Ban Quản lý ATTP các tỉnh, thành phố;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Hùng Long

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-ATTP ngày... tháng..... năm 2023
của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	
				Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)
I	Lĩnh vực hóa lý				
1	Xác định pH	Nước uống đóng chai	TCVN 6492:2011	2 - 12	
2	Xác định hàm lượng Amoni		TCVN 5988:1995	0,12 mg/L	0,4 mg/L
3	Xác định chỉ số Pemanganat		TCVN 6186:1996	0,1 mg/L	0,5 mg/L
4	Xác định hàm lượng Clorua		TCVN 6194:1996	1,59 mg/L	5,29 mg/L
5	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp GF - AAS		KNQT/TQKT. MP.11.2018	0,71 µg/L	3,0 µg/L
6	Xác định hàm lượng Cadmi (Cd) Phương pháp GF - AAS		KNQT/TQKT. MP.13.2018	0,43 µg/L	2,0 µg/L
7	Phép thử độ đồng đều khối lượng	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	KNQT/TQKT. HL.10.2018	-	-
8	Phép thử độ rã		KNQT/TQKT. HL.11.2018	-	-
9	Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp GF - AAS		KNQT/TQKT. MP.11.2018	113 µg/kg	400 µg/kg
10	Xác định hàm lượng Cadmi (Cd) Phương pháp GF - AAS		KNQT/TQKT. MP.13.2018	51,87 µg/kg	200 µg/kg
II	Lĩnh vực vi sinh				
1	Định lượng vi sinh vật trên đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 30 ⁰ C	Thực phẩm, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 4884-1:2015	10 CFU/g 1 CFU/mL	
2	Định lượng nấm men và nấm mốc trong mẫu có hoạt độ nước lớn hơn 0,95 Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 8275-1:2010	10 CFU/g 1 CFU/mL	

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	
				Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)
3	Định lượng nấm men và nấm mốc trong mẫu có hoạt độ nước nhỏ hơn hoặc bằng 0,95 Kỹ thuật đếm khuẩn lạc	Thực phẩm, Thực phẩm bảo vệ sức khỏe	TCVN 8275-2:2010	10 CFU/g 1 CFU/mL	
4	Định lượng <i>Staphylococci</i> có phản ứng dương tính Coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác) trên đĩa thạch. Kỹ thuật sử dụng môi trường thạch Baird-Parker		TCVN 4830-1:2005	10 CFU/g 1 CFU/mL	
5	Định lượng <i>Escherichia coli</i> dương tính β -glucuronidaza Phần 2: Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 44°C		TCVN 7924-2:2008	10 CFU/g 1 CFU/mL	
6	Định lượng <i>Escherichia coli</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN)	Thực phẩm	TCVN 6846:2007	0 MPN/g 0 MPN/mL	
7	Định lượng <i>Coliform</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc		TCVN 6848:2007	10 CFU/g 1 CFU/mL	
8	Định lượng <i>B.cereus</i> giả định theo phương pháp đĩa thạch Kỹ thuật đếm khuẩn lạc 30°C		TCVN 4992:2005	10 CFU/g 1 CFU/mL	
9	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> trên đĩa thạch – Kỹ thuật đếm khuẩn lạc.		TCVN 4991:2005	10 CFU/g 1 CFU/mL	
10	Phương pháp phát hiện và định lượng <i>Coliforms</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN)		TCVN 4882:2007	0 MPN/g 0 MPN/mL	

TT	Tên chỉ tiêu được chỉ định	Phạm vi áp dụng	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện của phép thử (nếu có)/phạm vi đo	
				Giới hạn phát hiện (LOD)	Giới hạn định lượng (LOQ)
11	Phát hiện và đếm <i>Escherichia coli</i> và Coliform Phương pháp màng lọc	Nước uống đóng chai	TCVN 6187-1:2019	1 CFU/250 mL	
12	Phát hiện và định lượng <i>Pseudomonas aeruginosa</i> Phương pháp màng lọc		TCVN 8881:2011	1 CFU/250 mL	
13	Phát hiện và đếm khuẩn liên cầu khuẩn đường ruột Phương pháp màng lọc		TCVN 6189-2:2009	1 CFU/250 mL	
14	Phát hiện và đếm số Bào tử kị khí khử sulfit (<i>Clostridia</i>) Phương pháp màng lọc		TCVN 6191-2:1996	1 CFU/50 mL	

Ghi chú: Phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế